

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ Phần Điện nước An Giang số 667/CTCPĐN.DALX ngày 03 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Xét Kết quả kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên theo Công văn số 2619/STNMT-MT ngày 27 tháng 07 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản kiểm tra ngày 20 tháng 07 năm 2023 kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây viết tắt là Chủ cơ sở), địa chỉ tại số 821, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Cơ sở có 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung:

- Trạm xử lý nước thải số 1 (Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc) (*sau đây viết tắt là Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức)*) có địa chỉ: Tổ 49, khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Trạm xử lý nước thải số 2 (Nhà máy xử lý nước thải phía Nam) (*sau đây viết tắt là Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa)*) có địa chỉ: Tổ 51, khóm Tây Khánh 5, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 1600249791 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 01 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 1600184590.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý nước thải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở có phạm vi hoạt động thu gom, thoát nước thải tại các phường: Bình Khánh, Mỹ Bình (khu phía Bắc); các phường Mỹ Long, Mỹ Xuyên, Đông Xuyên, Mỹ Phước, Mỹ Quý (khu phía Nam).

- Quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích khu đất của 02 nhà máy là 89.401,5 m². Trong đó: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) có tổng diện tích là 31.501,3 m². Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa) có tổng diện tích là 57.900,2 m².

+ Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có tổng công suất 30.000 m³/ngày đêm: trong đó, Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) có công suất 10.000 m³/ngày đêm và Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa) có công suất 20.000 m³/ngày đêm.

- Tổng mức vốn đầu tư của cơ sở là 1.140.572 triệu đồng (*Bằng chữ: Một ngàn một trăm bốn mươi tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu đồng*). Quy mô đầu tư của cơ sở tương đương dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Điện nước An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND thành phố Long Xuyên, UBND phường Bình Đức, UBND phường Mỹ Hoà) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 18 tháng 7 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- UBND thành phố Long Xuyên;
- Ban Quản lý DA ĐTXD Khu vực TP Long Xuyên;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng QLMT, Thanh tra Sở, Phòng QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Bình Đức và Mỹ Hoà;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Thái Minh Hiên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-STNMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức).

+ Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm tại Nhà máy.

+ Nguồn số 3: Nước thải từ quá trình ép bùn tại Nhà máy.

+ Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình trên địa bàn các phường Bình Khánh, Mỹ Bình.

+ Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các trụ sở cơ quan, công trình công cộng; Nước thải từ các cửa hàng ăn uống; nước thải từ khu dân cư, bệnh viện, khách sạn, nhà hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa):

+ Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà).

+ Nguồn số 7: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm tại Nhà máy.

+ Nguồn số 8: Nước thải từ quá trình ép bùn tại Nhà máy.

+ Nguồn số 9: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình trên địa bàn các phường: Mỹ Long, Mỹ Xuyên, Đông Xuyên, Mỹ Phước và Mỹ Quý.

+ Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các trụ sở cơ quan, công trình công cộng; Nước thải từ các cửa hàng ăn uống; nước thải từ khu dân cư, bệnh viện, khách sạn, nhà hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

- Dòng nước thải: 01 (một) dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m³/ngày đêm thoát ra rạch Trà Ôn (thu gom và xử lý nước thải từ các nguồn số 1, số 2, số 3, số 4 và số 5).

- Nguồn tiếp nhận: Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là rạch Trà Ôn (thuộc khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

- Vị trí xả nước thải:

+ Tổ 49, khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1149884, Y = 571909.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10.000 m³/ngày đêm tương đương lưu lượng xả nước thải là 416,67 m³/giờ.

- Phương thức xả thải:

+ Nước thải sau xử lý theo đường cống BTCT có đường kính D800, dài 245 m tự chảy ra nguồn tiếp nhận là rạch Trà Ôn.

+ Hình thức xả thải: Xả mặt, ven bờ.

- Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.2. Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

- Dòng nước thải: 01 (một) dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20.000 m³/ngày đêm thoát ra rạch mương Khai Nhỏ dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh Rạch Giá Long Xuyên (thu gom và xử lý nước thải từ các nguồn số 6, số 7, số 8, số 9 và số 10).

- Nguồn tiếp nhận: Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là rạch mương Khai Nhỏ dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh Rạch Giá Long Xuyên (khóm Tây Khánh 5, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

- Vị trí xả nước thải:

+ Tổ 51, khóm Tây Khánh 5, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1146524, Y = 572606.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20.000 m³/ngày đêm tương đương lưu lượng xả nước thải là 833,33 m³/giờ.

- Phương thức xả thải:

+ Nước thải sau xử lý theo đường ống bằng nhựa HDPE có đường kính D1000, dài 13,5 m tự chảy ra rạch mương Khai Nhỏ dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh Rạch Giá Long Xuyên.

+ Hình thức xả thải: Xả mặt, ven bờ.

- Chế độ xả thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) và Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1); QCVN 40:2011/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_p = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục	
1	Nhiệt độ	°C	40	3 tháng/lần	Thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục	
2	pH	-	6-9			
3	COD	mg/l	60,75			
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05			
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5			
6	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,24			
7	Clo dư	mg/l	0,81			
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3			Không thuộc đối tượng
9	Màu	Pt/Co	50			
10	Asen	mg/l	0,0405			
11	Thủy ngân	mg/l	0,00405			
12	Chì	mg/l	0,081			
13	Cadimi	mg/l	0,0405			
14	Crom (VI)	mg/l	0,0405			
15	Crom (III)	mg/l	0,162			
16	Đồng	mg/l	1,62			
17	Kẽm	mg/l	2,43			
18	Niken	mg/l	0,162			
19	Mangan	mg/l	0,405			
20	Sắt	mg/l	0,81			
21	Tổng xianua	mg/l	0,0567			
22	Tổng phenol	mg/l	0,081			
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05			
24	Sunfua	mg/l	0,162			
25	Florua	mg/l	4,05			
26	Tổng Nitơ	mg/l	16,2			
27	Tổng hoạt độ	Bq/l	0,1			

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
	phóng xạ α				
28	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		Không thuộc đối tượng
29	Coliform	MPN/100mL	3.000		
30	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
31	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
32	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
33	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30		
34	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243		
36	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Thu gom nước thải để đưa về Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

1.1.1.1. Thu gom nước thải nội bộ tại nhà máy:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ việc vệ sinh hằng ngày của nhân viên được thu gom và dẫn xuống hầm tự hoại 3 ngăn (nằm bên dưới nhà vệ sinh) để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng hầm tự hoại theo đường ống PVC D200 dài 100m dẫn về hố ga (dài 01 m x rộng 01 m x cao 02 m). Nước thải từ hố ga theo đường ống PVC D200 dài 150 m được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m³/ngày đêm để xử lý (máy bơm có công suất 0,1 m³/phút).

Nước thải phát sinh từ máy ép bùn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ rửa dụng cụ thí nghiệm được lưu chứa vào thùng nhựa 200 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

1.1.1.2. Thu gom nước thải trên địa bàn thành phố Long Xuyên dẫn về Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) sẽ thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh trên phường Bình Khánh và phường Mỹ Bình. Cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt từ hộ gia đình; nước thải từ các cơ quan, công trình công cộng; nước thải từ các nhà hàng, cửa hàng ăn uống; nước thải y tế; nước thải sinh hoạt từ khu dân cư, khách sạn...; Nước thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý tùy theo vị trí của cơ sở và hiện trạng của tuyến công mà sẽ được đầu nối vào hộp đầu nối hoặc cống thoát nước thải đường phố, sau đó nước thải được dẫn về hố thu sau đó về trạm bơm nước thải và được bơm về nhà máy xử lý.

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình sẽ được đầu nối từ các bể gom nước thải của mỗi hộ ra hộp đầu nối được đặt trước nhà bằng đường ống uPVC D110, nước thải tiếp tục được dẫn qua hộp chuyển hướng bằng đường ống uPVC D168, sau đó thoát ra cống thoát nước đường phố bằng việc đầu nối trực tiếp với hố ga trên tuyến công.

Đối với một số hộ không thể thực hiện đầu nối thu nước thải trực tiếp việc thu nước thải sinh hoạt sẽ được thu qua rãnh thu ngưỡng tràn (B500) hoặc hố ga tách dòng, nước thải sẽ được dẫn vào hộp chuyển hướng hoặc cống thoát nước đường phố. Toàn bộ nước thải được tập trung về hố thu (tại đây có bố trí song chắn rác) sau đó bơm về trạm bơm nước thải số 01, số 02 và số 03 và dẫn về nhà máy xử lý.

1.1.2. Thu gom nước thải để đưa về Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

1.1.2.1. Thu gom nước thải nội bộ tại nhà máy:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ việc vệ sinh hằng ngày của nhân viên được thu gom và dẫn xuống hầm tự hoại 3 ngăn (nằm bên dưới nhà vệ sinh) để xử lý. Nước thải sau khi xử lý bằng hầm tự hoại theo đường ống PVC D200 dài 150 m dẫn về bể gom (dài 01 m x rộng 01 m x cao 02 m). Nước thải từ bể gom theo đường ống PVC D200 dài 160 m được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20.000 m³/ngày đêm để xử lý (máy bơm có công suất 0,1 m³/phút).

Nước thải phát sinh từ máy ép bùn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ rửa dụng cụ thí nghiệm được lưu chứa vào thùng nhựa 200 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

1.1.2.2. Thu gom nước thải trên địa bàn thành phố Long Xuyên dẫn về Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) sẽ thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh trên phường Mỹ Long, Mỹ Xuyên, Đông Xuyên, Mỹ Phước và Mỹ Quý. Cụ thể các khu vực sau:

- Khu vực phường Mỹ Long được giới hạn bởi rạch Long Xuyên, sông Hậu, rạch Cái Sơn và đường Hùng Vương.
- Khu vực phường Mỹ Long, Mỹ Xuyên và Đông Xuyên được giới hạn bởi đường Hùng Vương, rạch Long Xuyên, rạch Cái Sơn và rạch Bà Bầu.
- Khu vực phường Mỹ Phước được giới hạn bởi rạch Cái Sơn và rạch Tầm Bót.
- Khu vực phường Đông Xuyên được giới hạn bởi rạch Long Xuyên, rạch Bà Bầu và rạch Ông Mạnh.
- Khu vực phường Mỹ Phước và Mỹ Quý được giới hạn bởi rạch Tầm Bót và rạch Gòi Lớn.

Nước thải sinh hoạt từ hộ gia đình; nước thải từ các cơ quan, công trình công cộng; nước thải từ các nhà hàng, cửa hàng ăn uống; nước thải y tế; nước thải sinh hoạt từ khu dân cư, khách sạn...; Nước thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý tùy theo vị trí của cơ sở và hiện trạng của tuyến cống mà sẽ được đầu nối vào hộp đầu nối hoặc cống thoát nước thải đường phố, sau đó nước thải được dẫn về hố thu sau đó về trạm bơm nước thải và được bơm về nhà máy xử lý.

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình sẽ được đầu nối từ các bể gom nước thải của mỗi hộ ra hộp đầu nối được đặt trước nhà bằng đường ống uPVC D110, nước thải tiếp tục được dẫn qua hộp chuyển hướng bằng đường ống uPVC D168, sau đó thoát ra cống thoát nước đường phố bằng việc đầu nối trực tiếp với hố ga trên tuyến cống.

Đối với một số hộ không thể thực hiện đầu nối thu nước thải trực tiếp việc thu nước thải sinh hoạt sẽ được thu qua rãnh thu ngưỡng tràn (B500) hoặc hố ga tách dòng, tùy vào hiện trạng tuyến cống hiện có, nước thải sẽ được dẫn vào hộp chuyển hướng hoặc cống thoát nước đường phố. Toàn bộ nước thải được tập trung về hố thu (tại đây có bố trí song chắn rác) sau đó bơm về trạm bơm nước thải số 04, số 05, số 6, số 07 và dẫn về nhà máy xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt nội bộ của 02 nhà máy:

- Vị trí các bể tự hoại:

+ Bể tự hoại tại Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) được đặt âm bên dưới nhà vệ sinh có tọa độ X= 1150062; Y= 571838.

+ Bể tự hoại tại Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa) được đặt âm bên dưới nhà vệ sinh có tọa độ X= 1146444; Y= 572585.

- Quy mô bể tự hoại: Thể tích của 02 bể tự hoại tại 02 nhà máy bằng nhau 7,04 m³/bể (cùng kích thước D x R x H = 3,2 m x 2,2 m x 1,9 m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt của nhân viên → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → hố ga đầu vào → Hệ thống xử lý nước thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Hồ ga đầu vào → Máy tách cát, rác → Bể phân phối → Mương oxy hóa → Bể phân phối và bơm bùn → Bể lắng thứ cấp → Hồ ga đầu nổi → Bể khử trùng → Hồ ga xả thải → Nguồn tiếp nhận.

- Hoá chất: Javen sử dụng trung bình 1.346 kg/tháng (hoặc các hóa chất tương đương khác không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục Phần A Phụ lục này).

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà)

- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Hồ ga đầu vào → Máy tách cát, rác → Bể phân phối → Mương oxy hóa → Bể phân phối và bơm bùn → Bể lắng thứ cấp → Hồ ga đầu nổi → Bể khử trùng → Hồ ga xả thải → Nguồn tiếp nhận.

- Hoá chất: Javen sử dụng trung bình 1.316 kg/tháng (hoặc các hóa chất tương đương khác không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 02 hệ thống.

+ 01 hệ thống tại nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức).

+ 01 hệ thống tại nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà).

- Vị trí: Thiết bị quan trắc nước thải của 2 nhà máy được lắp đặt theo phương pháp trực tiếp: Đối với chỉ tiêu lưu lượng nước đầu vào được lắp đặt nằm trên bể tiếp nhận và lưu lượng nước đầu ra thiết bị được lắp đặt trên mương ziczac sau nhà hóa chất. Đối với các chỉ tiêu còn lại thiết bị được lắp đặt theo phương pháp gián tiếp nước thải sau khi xử lý được bơm lên nhà trạm vào thùng chứa để đo.

- Thông số: pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, Tổng Photpho, Clo dư, Lưu lượng (đầu vào, đầu ra).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 bộ tại mỗi hệ thống.

- Camera theo dõi: 02 bộ tại mỗi nhà máy gồm: 01 camera được lắp đặt trực tiếp tại vị trí cửa xả; 01 camera được lắp đặt trực tiếp tại ngăn xử lý sau cùng của bể khử trùng trước khi thoát ra đường ống dẫn ra cửa xả.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chung:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào trước khi thu gom về 02 nhà máy. Riêng đối với nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc đấu nối xả thải các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua các điểm đầu nối vào cống thoát nước thải chung; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp thuộc danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm.

- Cơ sở đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố.

- Cơ sở đã trang bị máy phát điện dự phòng nhằm ứng phó sự cố trong trường hợp mất điện đột ngột.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.4.2. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo kịch bản:

a) Quy trình xử lý sự cố kịch bản 1 (lưu lượng nước thải đô thị vượt quá công suất thiết kế và trong trường hợp bị ngập, úng)

- Khi xảy ra sự cố, bộ phận vận hành tuyến thu gom nước thải sẽ đóng van và ngừng dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải.

- Tiến hành rà soát các tuyến cống thu gom nước thải nhằm phát hiện các sự cố trên tuyến cống gây ra tình trạng nước thải đô thị dẫn về hệ thống vượt quá công suất thiết kế.

- Thực hiện các công tác khơi thông dòng, dẫn dòng xả nước mưa có lẫn nước thải tại các cống thu gom ra nguồn tiếp nhận gần nhất khi gặp sự cố quá tải do mưa to, triều cường ngập úng.

- Lượng nước thải dư tại hố ga đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải được bộ phận vận hành hệ thống xem xét và tiến hành khởi động hệ thống bơm dự phòng, máy thổi khí dự phòng để thực hiện vận hành ở chế độ cao tải nhằm xử lý lượng nước thải dư.

- Sau khi khắc phục sự cố, tiến hành vận hành hoạt động lại Nhà máy xử lý nước thải ở chế độ bình thường.

b) Quy trình xử lý sự cố kịch bản 2 (chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giá trị thông số thiết kế đầu vào)

- Khi xảy ra sự cố, tiến hành rà soát các nguồn nước thải thu gom đầu vào. Thường xuyên kiểm tra việc xả thải các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua các điểm đầu nối nước thải vào cống thu gom thoát nước thải chung;

lập danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm dẫn đến chất lượng nước thu gom về Nhà máy xử lý nước thải vượt giá trị thông số thiết kế đầu vào, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các cơ sở này.

- Nước thải đầu vào tại hồ ga đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải khi tiến hành lấy mẫu phân tích nếu vượt quá giá trị thông số thiết kế đầu vào, bộ phận vận hành sẽ tiến hành điều chỉnh quy trình vận hành cho phù hợp với thông số thiết kế đầu vào như điều chỉnh pH trong trường hợp pH quá cao hoặc quá thấp, bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh trong trường hợp hàm lượng BOD đầu vào cao,...

c) Quy trình xử lý sự cố kịch bản 3 (chất lượng nước đầu ra không đáp ứng yêu cầu giá trị giới hạn các chất ô nhiễm)

- Khi xảy ra sự cố, Nhà máy xử lý nước thải sẽ ngưng xả thải ra nguồn tiếp nhận và thực hiện chuyển toàn bộ nước thải từ bể khử trùng sẽ bơm tuần hoàn về hồ ga đầu vào. Khi trương xác định vị trí xảy ra sự cố, đồng thời kiểm tra, rà soát, xác định nguyên nhân, đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

- Tiến hành khởi động hệ thống bơm dự phòng, máy thổi khí dự phòng,... để thực hiện vận hành ở chế độ cao tải nhằm xử lý lượng nước thải không đáp ứng yêu cầu về giá trị giới hạn các chất ô nhiễm từ bể khử trùng bơm về lại trạm bơm nâng.

- Sau khi khắc phục sự cố, tiến hành vận hành hoạt động lại Nhà máy xử lý nước thải ở chế độ bình thường.

d) Quy trình xử lý sự cố kịch bản 4 (các thiết bị, máy bơm của hệ thống thu gom, xử lý nước thải không hoạt động)

- Khi thiết bị hư hỏng, máy bơm của hệ thống thu gom, xử lý nước thải không hoạt động, bộ phận vận hành sẽ tiến hành sử dụng thiết bị, bơm dự phòng thay thế.

- Trong quá trình vận hành thiết bị, bơm dự phòng, bộ phận vận hành nhanh chóng sửa chữa, khắc phục sự cố thiết bị, máy bơm của hệ thống. Sau khi sửa chữa, khắc phục xong sự cố, tiến hành vận hành hệ thống trở lại bình thường.

đ) Quy trình xử lý sự cố kịch bản 5 (sự cố tổng thể cả 4 trường hợp nêu trên)

- Khi xảy ra tổng hợp cả 4 sự cố trường hợp nêu trên, bộ phận vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ tiến hành thông báo cho toàn bộ các bộ phận tiến hành thực hiện đóng van cục bộ và toàn phần không cho nước thải dẫn về Nhà máy xử lý nước thải, đồng thời đóng van xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để tiến hành thực hiện khắc phục sự cố.

- Huy động toàn bộ nhân lực của từng bộ phận như: Bộ phận vận hành hệ thống xử lý nước thải, bộ phận vận hành hệ thống thu gom nước thải, bộ phận vận hành hệ thống điện,... tiến hành xác định nguyên nhân và đưa ra biện pháp xử lý phù hợp ở từng bộ phận.

- Sử dụng bơm dự phòng bơm toàn bộ nước thải tại bể khử trùng không đáp ứng yêu cầu về giá trị giới hạn các chất ô nhiễm về hố ga đầu vào.

- Tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải ở chế độ cao tải nhằm xử lý kịp thời lượng nước thải dư từ bể khử trùng bơm về lại hố ga đầu vào.

- Sau khi xử lý xong sự cố và xử lý hết lượng nước dư từ bể khử trùng bơm về lại hố ga đầu vào, bộ phận vận hành tiến hành đánh giá, kiểm tra, lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống. Khi chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng các yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường mới tiến hành thông báo tới các bộ phận để vận hành lại hệ thống xử lý nước thải ở trạng thái bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (dự kiến từ ngày 01/8/2024 đến ngày 28/01/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) công suất 10.000 m³/ngày.đêm

- Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) công suất 20.000 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

a) Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) công suất 10.000 m³/ngày.đêm

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga xả thải.

b) Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) công suất 20.000 m³/ngày.đêm

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga xả thải.

c) Hệ thống quan trắc tự động, liên tục tại 02 nhà máy:

- Đầu ra bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) công suất 10.000 m³/ngày.đêm: Tại mương ziczac sau nhà hóa chất.

- Đầu ra bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) công suất 20.000 m³/ngày.đêm. Tại mương ziczac sau nhà hóa chất.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni, Tổng Photpho, Clo dư.

- Tần suất: Liên tục 24/24 giờ (kết quả dữ liệu cũng được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá:

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể gom (nước thải đầu vào, trước xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại hố ga xả thải (nước thải đầu ra, sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, của các hộ gia đình, cơ quan, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi thu gom, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Đảm bảo hoạt động hiệu quả các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải tổng hợp số liệu, kết quả quan trắc, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường, Chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên), Ủy ban nhân dân phường Bình Đức và Mỹ Hoà và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-STNMT ngày / /2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

+ Nguồn số 1: Mùi hôi phát sinh tại nhà đặt máy tách cát và rác.

+ Nguồn số 2: Mùi hôi phát sinh tại hố ga đầu vào.

+ Nguồn số 3: Mùi hôi phát sinh tại bể phân phối.

+ Nguồn số 4: Mùi hôi phát sinh tại nhà chứa bùn.

+ Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

+ Nguồn số 6: Mùi hôi phát sinh tại nhà đặt máy tách cát và rác.

+ Nguồn số 7: Mùi hôi phát sinh tại hố ga đầu vào.

+ Nguồn số 8: Mùi hôi phát sinh tại bể phân phối.

+ Nguồn số 9: Mùi hôi phát sinh tại nhà chứa bùn.

+ Nguồn số 10: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

- Dòng khí thải: 03 (ba) dòng khí thải thoát ra môi trường, bao gồm:

+ Dòng thải số 1: 01 dòng khí thải từ hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 1, 2, 3 với lưu lượng 4.200 m³/giờ.

+ Dòng thải số 2: 01 dòng khí thải từ hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 4 với lưu lượng 11.400 m³/giờ.

+ Dòng thải số 3: 01 dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 5 với lưu lượng 7.620 m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: Tổ 49, khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, các dòng thải có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°) như sau:

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút (dòng thải số 1): X = 1150141, Y = 571858.

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút (dòng thải số 2): X = 1150029, Y = 0571691.

+ Ống thải từ máy phát điện dự phòng (dòng thải số 3): X = 1150084, Y = 0571859.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Tại đầu ra của hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 1, 2, 3 với lưu lượng 4.200 m³/giờ (tương ứng dòng số 1).

+ Tại đầu ra của hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 4 với lưu lượng 11.400 m³/giờ (tương ứng dòng số 2).

+ Tại đầu ra ống khói của máy phát điện dự phòng thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 5 với lưu lượng 7.620 m³/giờ (tương ứng dòng số 3).

- Phương thức xả khí thải:

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút: Khí thải theo đường ống DN350 mm, cao 01 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn theo chu kỳ nước thải từ các trạm bơm được bơm về nhà máy.

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút: Khí thải theo đường ống DN550 mm, cao 01 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn theo chu kỳ vận hành máy ép bùn.

+ Máy phát điện dự phòng: Khí thải theo ống khói có đường kính $\varnothing 200$, cao 02 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn (khi máy phát điện dự phòng hoạt động trong trường hợp mất điện).

2.2. Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

- Dòng khí thải: 03 (ba) dòng khí thải thoát ra môi trường, bao gồm:

+ Dòng thải số 1: 01 dòng khí thải từ hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 6, 7, 8 với lưu lượng 4.200 m³/giờ.

+ Dòng thải số 2: 01 dòng khí thải từ hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 9 với lưu lượng 11.400 m³/giờ.

+ Dòng thải số 3: 01 dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 10 với lưu lượng 7.620 m³/giờ.

- Vị trí xả khí thải: Tổ 51, khóm Tây Khánh 5, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, các dòng thải có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°) như sau:

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút (dòng thải số 1): X = 1146365, Y = 572660.

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút (dòng thải số 2): X = 1146581, Y = 0572730.

+ Ống thải từ máy phát điện dự phòng (dòng thải số 3): X = 1146372, Y = 0572648.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Tại đầu ra của hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 6, 7, 8 với lưu lượng 4.200 m³/giờ (tương ứng dòng số 1).

+ Tại đầu ra của hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 9 với lưu lượng 11.400 m³/giờ (tương ứng dòng số 2).

+ Tại đầu ra ống khói của máy phát điện dự phòng thu gom xử lý mùi hôi từ nguồn số 10 với lưu lượng 7.620 m³/giờ (tương ứng dòng số 3).

- Phương thức xả khí thải:

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 70 m³/phút: Khí thải theo đường ống DN350 mm, cao 01 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn theo chu kỳ nước thải từ các trạm bơm được bơm về nhà máy.

+ Đầu ra của hệ thống thu gom, khử mùi công suất 190 m³/phút: Khí thải theo đường ống DN550 mm, cao 01 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn theo chu kỳ vận hành máy ép bùn.

+ Máy phát điện dự phòng: Khí thải theo ống khói có đường kính \varnothing 200, cao 02 m thoát ra môi trường, chế độ xả gián đoạn (khi máy phát điện dự phòng hoạt động trong trường hợp mất điện).

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đối với Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) và Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 1,0 và Kv = 0,6), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Nguồn số 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9				
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	30	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	4,5		
3	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ tính theo SO ₃	mg/Nm ³	30		
4	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác),	mg/Nm ³	300	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	tính theo NO ₂				tượng
5	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15		
II	Nguồn số 5, 10				
6	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
7	CO	mg/Nm ³	600		
8	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		
9	SO ₂	mg/Nm ³	300		
10	H ₂ S	mg/Nm ³	4,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Đối với máy phát điện dự phòng: Khí thải từ máy phát điện dự phòng của mỗi nhà máy xả ra môi trường qua 01 ống khói thải.

- Công trình, thiết bị, thu gom mùi hôi: Mỗi nhà máy sẽ lắp đặt 02 hệ thống thu gom và xử lý mùi, cụ thể như sau:

+ Một hệ thống thu gom và xử lý mùi có công suất 70 m³/phút được lắp đặt tại vị trí kế bên nhà đặt máy tách rác, cát. Có chức năng thu gom mùi hôi phát sinh từ hồ ga tiếp nhận nước thải đầu vào, từ nhà đặt máy tách rác, cát và từ bể phân phối. Tại mỗi vị trí phát sinh mùi hôi bố trí phễu thu mùi hôi sau đó theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý mùi. Cụ thể như sau:

Tại hồ ga đầu vào bố trí 01 phễu thu mùi bằng inox, mùi hôi theo đường ống inox D200 đầu nối vào đường ống D250, D300 (hai đường ống D250, D300 đầu nối tiếp nhau), từ đây mùi hôi dẫn về hệ thống khử mùi công suất 70 m³/phút.

Tại nhà đặt máy tách rác, cát bố trí 16 phễu thu mùi bằng inox, mùi hôi theo đường ống inox D200 đầu nối vào đường ống D250, D300 (hai đường ống D250, D300 đầu nối tiếp nhau), từ đây mùi hôi dẫn về hệ thống khử mùi công suất 70 m³/phút.

Tại bể phân phối bố trí 01 phễu thu mùi bằng inox sau đó theo đường ống inox D200 đầu nối vào đường ống D250, D300 (hai đường ống D250, D300 đầu nối tiếp nhau), từ đây mùi hôi dẫn về hệ thống khử mùi công suất 70 m³/phút.

+ Một hệ thống thu gom và xử lý mùi có công suất 190 m³/phút được lắp đặt tại vị trí kế bên khu vực nhà chứa bùn. Có chức năng thu gom mùi hôi phát sinh từ khu vực này. Tại khu vực phát sinh mùi hôi bố trí 05 phễu thu mùi bằng

inox sau đó theo đường ống inox D250, D350 dẫn về hệ thống khử mùi công suất 190 m³/phút.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ xử lý mùi hôi: có 04 hệ thống xử lý mùi hôi (mỗi nhà máy đều có 02 hệ thống xử lý mùi hôi với công suất lần lượt là 70 m³/phút và 190 m³/phút), với quy trình như nhau: Quạt hút mùi hôi → Lò phản ứng vi sinh vật (phun nước làm ẩm) → Lưới lọc → than hoạt tính → Khí thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý mùi: 02 hai nhà máy đều có cùng công suất và thông số thiết kế:

+ Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, khử mùi tại các thiết bị tách cát, rác. Công suất: 70 m³/phút. Kích thước buồng phản ứng xử lý: 3000 mm x 5000 mm x 3000 mm).

+ Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, khử mùi tại nhà xử lý bùn. Công suất: 190 m³/phút. Kích thước buồng phản ứng xử lý: 5000 mm x 8000 mm x 3000 mm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (dự kiến từ ngày 01/8/2024 đến ngày 28/01/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

+ Hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác và bể phân phối.

+ Hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

+ Hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác và bể phân phối.

+ Hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Đầu ra hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác và bể phân phối tại Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức).

+ Đầu ra hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn tại Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức).

+ Đầu ra hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác và bể phân phối tại NM XLNT phía Nam (Mỹ Hoà).

+ Đầu ra hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn tại NM XLNT phía Nam (Mỹ Hoà).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải quan trắc, giám sát các chất ô

nhằm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý mùi theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá khí thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện lấy mẫu khí thải đầu ra hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác, bể phân phối; hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn ở mỗi nhà máy để đánh giá: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại đầu ra hệ thống khử mùi nhà tách cát, rác, bể phân phối và hệ thống khử mùi tại hệ thống xử lý bùn ở mỗi nhà máy.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả khí thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải tổng hợp số liệu, kết quả quan trắc, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

+ Nguồn số 1: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).

+ Nguồn số 2: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy tách rác và cát (phát sinh khi máy tách rác và cát hoạt động).

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

+ Nguồn số 3: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).

+ Nguồn số 4: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy tách rác và cát (phát sinh khi máy tách rác và cát hoạt động).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

2.1. Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức):

- Vị trí phát sinh: Tổ 49, khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, các dòng thải có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) như sau:

+ Nguồn số 1: Tọa độ: X= 571859; Y= 1150084.

+ Nguồn số 2: Tọa độ: X= 571873; Y= 1150124.

2.2. Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà):

- Vị trí phát sinh: Tổ 51, khóm Tây Khánh 5, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, các dòng thải có tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) như sau:

+ Nguồn số 3: Tọa độ: X= 572648; Y= 1146372.

+ Nguồn số 4: Tọa độ: X= 572656; Y= 1146384.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Biện pháp giảm thiểu những ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung phát sinh như sau:

- Giữa các bể xử lý trong hệ thống xử lý nước thải được thiết kế ở dạng tự chảy nên trong quá trình vận hành hệ thống không làm phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh tập trung và cách ly xung quanh 2 nhà máy xử lý nước thải.

- Các thiết bị chính của nhà máy đã được kiểm soát ồn theo tiêu chuẩn sản xuất chế tạo.

- Các thiết bị có phát sinh tiếng ồn như: Máy thổi khí, bơm... được lắp đặt chím hoặc được lắp đặt kèm bộ phận giảm thanh nhằm kiểm soát tiếng ồn.

- Các máy bơm được đặt trong các ngăn hút có cấu trúc bê tông cốt thép và được thiết kế có đủ chỗ để lắp đặt, vận hành và bảo trì thiết bị.

- Xây dựng nhà đặt máy phát điện dự phòng ở cả 02 nhà máy xử lý nước thải, diện tích 180m² và được đặt nằm sâu trong khuôn viên.

- Kiểm tra và thay thế đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng. Máy phát điện được đặt trong thùng cách âm, đảm bảo tiếng ồn và độ rung nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) máy phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng kg/năm	
				Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức)	Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa)
1	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	4	8
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thiết bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải bỏ)	Rắn	18 02 01	1,2	2,5
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	0,5	0,5
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	200	200

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

1.2.1. Bùn từ hệ thống xử lý nước thải:

* *Khối lượng bùn phát sinh thực tế:*

- Bùn thải khô phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức): khoảng 0,051 tấn/năm. (Mã chất thải: 12 06 10).

- Bùn thải khô phát sinh từ Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà): khoảng 0,088 tấn/năm. (Mã chất thải: 12 06 10).

1.2.2. Bùn được nạo vét từ các mạng lưới thu gom nước thải:

Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức): Tổng lượng bùn thu gom từ công tác vệ sinh, nạo vét hồ thu và trạm bơm và công tác vệ sinh đường ống đầu nổi hồ ga phân trên via hè khoảng 12,275 m³/tháng.

Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa): Tổng lượng bùn thu gom từ công tác vệ sinh, nạo vét hố thu và trạm bơm và thu gom từ hố ga tách dòng, ngưỡng tràn khoảng 15,27 m³/tháng.

1.2.3. Chất thải từ nhà tách cát, rác

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức), khối lượng phát sinh: Rác: 0,9 kg/ngày; Cát: 0,18m³/ngày tương đương 216 kg/ngày (1 m³ cát nhỏ (cát đen) = 1.200 kg). (Mã chất thải: 12 06 09).

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa), khối lượng phát sinh: Rác: : 2,05 kg/ngày; Cát: 0,41 m³/ngày tương đương 492 kg/ngày (1 m³ cát nhỏ (cát đen) = 1.200 kg). (Mã chất thải: 12 06 09).

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức): Phát sinh khoảng 16,9 kg/ngày.

- Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hòa): Phát sinh khoảng 20,8 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Mỗi nhà máy bố trí 02 thùng nhựa loại 120 lít, 03 thùng phuy loại 200 lít đều có nắp đậy và dán nhãn để phân biệt theo quy định. Các loại thùng chứa được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 16 m² (04 m x 04 m) có bảng báo hiệu kho chứa chất thải nguy hại và thiết bị cảnh báo an toàn PCCC.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa: Cả 2 nhà máy có diện tích kho CTNH và kết cấu kho giống nhau.

+ Diện tích 16 m² (04 m x 04 m).

+ Thiết kế, kết cấu của kho lưu chứa: Xây tường cao, mái lợp tole, cửa sắt; Nền xi măng, có xây gờ bảo vệ xung quanh phạm vi kho; Có cửa khóa và bảng báo hiệu CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Bùn từ hệ thống xử lý nước thải

- Thiết bị lưu chứa: Bể xử lý bùn tại Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (Bình Đức) là 650 m³ và Nhà máy xử lý nước thải phía Nam (Mỹ Hoà) là 800 m³.

2.2.2. Bùn được nạo vét từ các mạng lưới thu gom nước thải

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải, trong quá trình quản lý vận hành, đơn vị này sẽ nạo vét thu gom bùn tại các hố thu, trạm bơm, hố ga tách dòng, ngưỡng tràn, cống rãnh.... Tần suất: Định kỳ 01 tháng/lần.

- Toàn bộ lượng bùn nạo vét từ các mạng lưới thu gom nước thải được vận chuyển về 02 nhà máy và được bơm vào hệ thống xử lý nước thải nhằm cung cấp vi sinh dồi dào giúp cho hệ thống xử lý nước thải hoạt động hiệu quả.

2.2.3. Chất thải từ nhà tách cát, rác

- Thiết bị lưu chứa: Tại mỗi nhà máy đều bố trí 02 thùng chứa: 01 thùng bằng inox có thể tích 01 m³ và 01 thùng chứa nhựa màu xanh có nắp đậy 240 lít.

- Chất thải từ nhà tách cát, rác thu gom, di chuyển đến khu vực tập kết chất thải rắn thông thường bên trong nhà đặt thiết bị tách rác, cát có diện tích 4 m² (dài 02 m x rộng 02 m), kết cấu nền xi măng, vách xây tường, mái lợp tole và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Tại mỗi nhà máy trang bị 01 thùng chứa rác bằng nhựa loại 120 lít, có nắp đậy và bánh xe di chuyển, đặt tại khu vực nhà điều hành.

- Rác thải sinh hoạt thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

3. Hệ thống, công trình, thiết bị nén, ép bùn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mỗi nhà máy đều có máy ép bùn với quy trình: Bùn dư → Máy ép bùn → Bao chứa.

- Sản phẩm sau ép: Bùn khô (được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (hoặc các hóa chất tương đương khác không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường này).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Có trách nhiệm trang bị các phương tiện, thiết bị thu gom, lưu chứa, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-STNMT ngày / /2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Dự án không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn trong thi công xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

4. Thực hiện việc quản lý nước thải đô thị theo quy định của pháp luật. Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị hoặc quy định của chính quyền địa phương.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và kỹ thuật của các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Có phương án kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải, giếng tách dòng, hệ thống cống bao nhánh, trạm bơm chuyên tiếp nước thải và tại khu vực xử lý bùn, đảm bảo không để ảnh hưởng đến người dân.

9. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến phạm vi, diện tích của cơ sở; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý liên quan đến phạm vi, diện tích của cơ sở theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.